

GIẢI PHÁP ỔN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NGOẠI TỆ MỘT CÁCH BỀN VỮNG LÂU DÀI

TS. Nguyễn Đại Lai
NHNN Việt Nam

Các đại lý thu đổi ngoại tệ ở Hà Nội hầu như đã dừng hoạt động công khai từ ngày 7/3/2011. Điều mà nhiều người thấy rõ nhất là không biết mua USD cho mục đích chính đáng ở đâu cho dễ dàng và đúng với tỷ giá mà Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố? Mặc dù, những ngày vừa qua giá USD trên thị trường đang có xu hướng giảm, nhưng tính bền vững thì vẫn chưa rõ. Đô la hóa là thực trạng mà ai cũng biết nó đã và đang diễn ra rất mạnh ở Việt Nam trong bối cảnh kinh tế đối ngoại của nước ta từ lâu luôn luôn là nền ngoại thương nhập siêu. Chính vì thế để giải quyết tận gốc vấn đề ổn định thị trường ngoại tệ mang tính bền vững lâu dài phải là vấn đề cân bằng cán cân thanh toán, chống đô la hóa và tôn vinh giá trị sức mua của đồng nội tệ... chứ không thể chỉ đơn thuần là điều chỉnh tỷ giá bằng biện pháp hành chính. Thậm chí thảm họa động đất 8,9 độ richte và gây sóng thần cao 10m tại vùng bờ biển các tỉnh Đông Bắc Nhật Bản hôm 11/3/2011 cũng sẽ tác động tới tâm lý tích trữ của cải dưới hình thái ngoại tệ và vàng, nên hơn bao giờ hết càng cần phải có quan

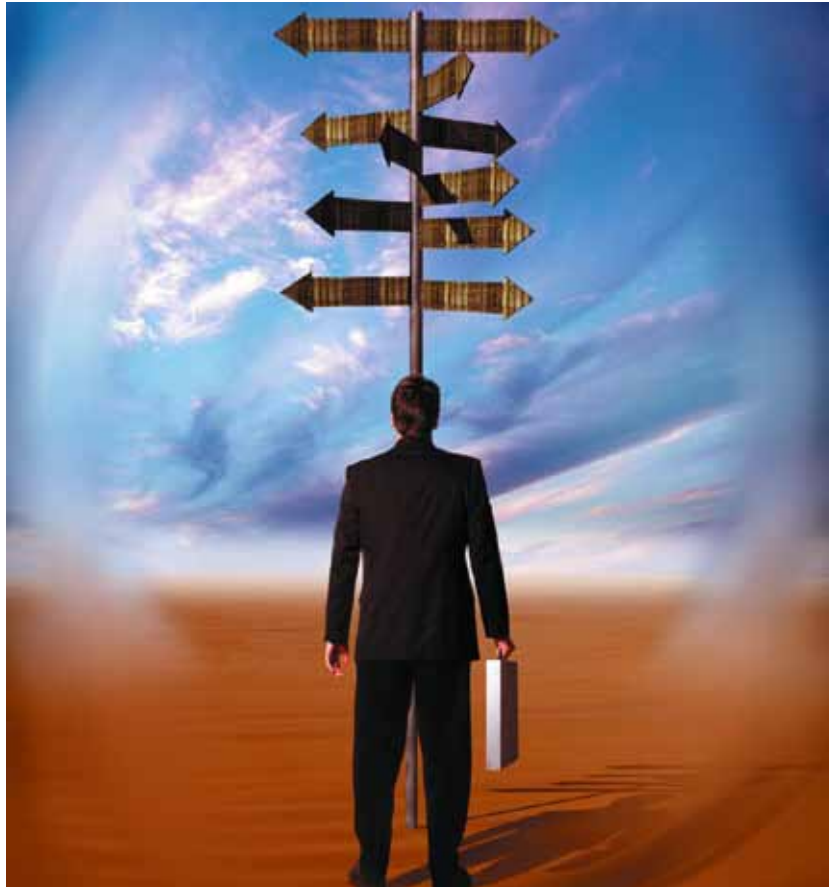


điểm nhất quán về bảo vệ giá trị sức mua và cải thiện niềm tin của công chúng vào đồng nội tệ.

Mang tính “sợi chỉ” xuyên suốt của giải pháp ổn định thị trường ngoại tệ nói riêng và thị trường ngoại hối nói chung, tôi cho rằng về quan điểm chính sách ngoại hối của ta lẽ ra phải luôn luôn có thái độ tôn vinh tính ổn định sức mua của đồng nội tệ, phải có những cơ chế tác động vào tổng cung và tổng cầu ngoại tệ sao cho kéo tỷ giá tự do về với tỷ giá chính thức, ít nhất là tỷ giá được quyết định trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do NHNN tổ chức và trực tiếp can thiệp,

nhưng ta lại luôn “đuổi theo” như đã từng đuổi theo tỷ giá bên ngoài của cái gọi là “thị trường chợ đen”. Nền kinh tế thị trường thống nhất sao lại có chợ đen ngoại tệ. Thậm chí như hồi cuối năm 2010, khi USD suy yếu rất mạnh, khi đồng tiền của các nền kinh tế mới nổi và các nước khu vực như Brazil, Australia, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, Singapore... đều lên giá rất mạnh so với USD thì nghịch lý là VND lại rớt giá mạnh và quá lép vế so với USD. Theo tôi, nguyên nhân chính của vấn đề tăng cầu ngoại tệ ở nước ta là do nhập siêu, do tình trạng đô la hóa, do tâm lý tích trữ USD, do độc quyền găm giữ, do còn nhiều đầu mối

quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước... do đó, chính sách ngoại tệ của ta lúc này hơn lúc nào hết là cần phải dựng hàng rào chống nhập siêu bằng các giải pháp chống đô la hóa. Các giải pháp này phải đồng bộ cả bằng các giải pháp kinh tế để cơ cấu lại quan hệ xuất - nhập khẩu và các giải pháp hành chính nghiêm cấm và kiểm soát chặt chẽ các biểu hiện găm giữ, buôn bán trái phép ngoại tệ và đô la hóa nền kinh tế, chứ không nên chọn giải pháp chống nhập siêu chỉ đơn thuần bằng tỷ giá. Nếu để tỷ giá tham gia đáng kể vào việc đẩy lạm phát lên cao thì sẽ lại sớm lâm vào tình trạng một vòng luẩn quẩn mới: tỷ giá tăng - lạm phát - tỷ giá tăng... Mặc dù nhiều nhà kinh tế “tây” hoạt động kinh doanh trong nước ta rất mong tỷ giá tăng nhưng cũng không muốn lạm phát vì họ cũng mong có được phần lợi ròng của cánh kéo sức mua cho USD cao lên. Kỳ vọng của nhiều nhà kinh tế của ta cũng muốn thế, nhưng còn muốn nhiều hơn là để hạn chế nhập khẩu, khuyến khích xuất khẩu và trước mắt là để “khắc phục” tình trạng hai tỷ giá trong nhà băng. Đây là tư duy hợp lý thuyết, nhưng còn vừa mang tính ngắn hạn, vừa không sát thực tế khi chúng ta đang lệ thuộc quá nhiều vào nguồn lực từ bên ngoài để phát triển, nền kinh tế lại đang bị đô la hóa và “tỷ giá bên trong” luôn luôn bị tỷ giá bên ngoài kéo lên mới chính là hiện thực đáng lo ngại. Vì thế các mong muốn trên chỉ là không tưởng nếu không nhìn thẳng vào gốc



vấn đề, rất cần phải thẳng thắn công khai minh bạch, đó là: thiếu cân đối ngoại tệ. Ở Việt Nam trong bối cảnh cơ cấu kinh tế và sức sản xuất như hiện nay thì hễ tỷ giá tăng là lập tức tổng phương tiện thanh toán (M2) sẽ tăng và kích thích lạm phát gia tăng nằm ngoài sự quản lý của NHNN. Với những nhận diện nói trên, tác giả đề xuất một số giải pháp đồng bộ từ ngắn hạn đến dài hạn như sau:

- Trong ngắn hạn: (i) NHNN cần tham mưu cho Chính phủ ban hành văn bản cho tăng dự trữ USD bằng cách yêu cầu thống nhất ngay một đầu mối quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước duy nhất là NHNN đồng thời hạn chế, thậm chí kiểm soát bằng con đường

thanh toán qua NHNN các nguồn thu ngoại tệ quốc gia để chi tiêu thường xuyên bằng ngoại tệ của ngân sách nhà nước (triển khai triệt để hiệu lực Điều 34, Luật NHNN Việt Nam 2010). Trong ngành ngân hàng, đề nghị Chính phủ cho phép qui định tăng rất mạnh lãi suất cho vay USD vì hiện nay lãi suất này đang thấp hơn lãi suất cho vay bằng tiền đồng tới 10%, tiến tới có lộ trình chấm dứt các hoạt động tín dụng ngoại tệ trong lãnh thổ; (ii) NHNN có thể bơm thanh khoản VND cho ngân hàng thương mại (NHTM) không hạn chế hay bán đứt USD, bên cạnh việc bơm tái cấp vốn VND có liều lượng, để hạn chế tổng cầu qua các công cụ chính sách tiền tệ và thị

trường liên ngân hàng; (iii) NHNN ra chính sách khuyến khích các bên tham gia thanh toán xuất, nhập khẩu bằng các loại ngoại tệ khác có khả năng thanh toán chuyển đổi (HKD, SGD, JPY, EURO...) và kèm theo giải pháp này là cho phát triển thị trường hoán đổi các ngoại tệ đó qua Trung tâm Thanh toán Quốc gia do NHNN quản lý và tham gia điều tiết trực tiếp (triển khai ngay việc thực hiện Điều 28 và Khoản 5, Điều 31, Luật NHNN Việt Nam 2010); (iv) Siết lại kỷ cương và giấy phép cho phép mua, bán ngoại tệ. Theo đó chỉ các NHTM có đủ điều kiện, năng lực, uy tín và là thành viên của thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do NHNN kết nạp, tổ chức, quản lý và trực tiếp can thiệp mới được phép kinh doanh ngoại tệ. Xóa bỏ mô hình và cơ chế đại lý hay ủy quyền thu đổi ngoại tệ; mọi điểm giao dịch, thu đổi ngoại tệ phải do NHTM được phép trực tiếp mở và quản lý theo cơ chế hạch toán báo sổ hàng ngày, thông mạch trực tuyến qua bảng điện tử online với hội sở chính để thống nhất tỷ giá và lượng giao dịch cũng như công khai các điều kiện được mua, bán ngoại tệ qua các điểm giao dịch của NHTM. Việc này phải được công bố công khai bằng văn bản qui phạm pháp luật, đồng thời chỉ rõ mọi hành vi mua bán trái phép với mục đích buôn tiền và/hoặc dùng ngoại tệ để làm phương tiện trao đổi hàng

hóa, dịch vụ trên thị trường hàng hóa nội địa giống như chức năng số 1 của đồng tiền nội tệ là vi phạm pháp luật và bị xử lý bằng pháp luật; (v) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra văn bản yêu cầu các đơn vị kinh tế nói chung và trước hết là các đơn vị kinh tế xuất, nhập khẩu nói riêng, không phân biệt thành phần kinh tế phải tính toán lại giá thành sản phẩm. Tránh “tê giá theo USD”, trong đó bao gồm cả việc cắt giảm những chi phí gián tiếp bất hợp lý, loại bỏ các phương thức hay công cụ sản xuất lạc hậu gây gia tăng chi phí ngoài nhân tố USD. Không thể chấp nhận một nền kinh tế mà hệ số ICOR quá cao, đã và đang phải dùng tới 8 đồng vốn cho một đồng tăng trưởng, càng không thể chấp nhận một khoảng cách chênh lệch thu nhập tới nhiều chục lần đến hàng trăm lần giữa ban giám đốc với mức thấp nhất của người lao động mà hiện tượng này đã và đang diễn ra ở mọi thành phần kinh tế, thậm chí diễn ra ngay cả ở những đơn vị làm ăn thua lỗ... đã tạo nên một cơ cấu giá thành quá bất hợp lý để bắt giá cả ngoài thị trường phải gánh chịu và đổ lỗi cho ngoại cảnh, đổ lỗi cho tỷ giá...

- Về trung và dài hạn: (i) Chiến lược quản lý ngoại hối không thể cứ mãi để tình trạng “tiền ta thua tiền tây ngay trên sân nhà” được, mà phải có một chính sách riêng

cho tỷ giá, thậm chí nếu cần nhà nước phải ra một đạo luật riêng về quản lý ngoại hối nói chung và ngoại tệ nói riêng. Theo đó cần có chiến lược triệt để chống đô la hóa - phải coi ngoại tệ nói chung là một loại hàng hóa đặc biệt chỉ do nhà nước độc quyền quản lý bằng đồng tiền nội và quản lý bằng các công cụ hành chính để kiểm soát và điều hành việc sử dụng trên thị trường. Ngoại tệ tuy là tài sản của cá nhân hay tổ chức, nhưng việc sử dụng nó trên thị trường phải tuân thủ pháp luật phù hợp với thông lệ quốc tế. Cá nhân hay tổ chức có ngoại tệ (không phân biệt thành phần kinh tế) nhất thiết không được phép dùng ngoại tệ thanh toán trực tiếp trong trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong nội địa, mà chỉ có thể: bán cho ngân hàng, gửi tại ngân hàng với lãi suất ấn định thấp ngang với lãi suất thị trường liên ngân hàng tại Mỹ cùng thời điểm và/hoặc sở hữu dưới dạng chứng khoán ngoại tệ, cũng có thể sở hữu dưới dạng một loại thương phiếu qui đổi nội tệ - được dùng như nội tệ trong nước; (ii) Đưa ra lộ trình giảm dần tiến tới chấm dứt việc hoạt động tín dụng ngoại tệ trên lãnh thổ, trước hết là áp dụng đối với các NHTM giảm ngay việc cho khách hàng vay ngoại tệ (trừ tín dụng thương mại dưới dạng mua, bán chịu và phát hành thương phiếu hay giấy tờ có giá bằng ngoại tệ trong thời hạn ngắn hạn...

nhưng khi thanh toán phải thanh toán bằng đồng tiền bản tệ của nơi người thụ hưởng). Mọi nhu cầu ngoại tệ hợp pháp đều phải mua qua ngân hàng hay qua thị trường ngoại hối có tổ chức theo duy nhất một tỷ giá thị trường do NHNN công bố hàng ngày. Tỷ giá này được xây dựng dựa vào tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào giờ đóng cửa hôm trước có giao động theo một tỷ lệ nhất định và trong giới hạn thị trường tự cân đối được cung - cầu ngoại tệ trong ngày, trong tháng, trong quý... Các công cụ phái sinh ngoại tệ đa dạng cần được khuyến khích sử dụng trong thị trường ngoại tệ chính thức, có sự quản lý, giám sát và trực tiếp điều tiết của NHNN. Kèm với giải pháp này thì NHNN cũng rất nên thành lập một bộ phận đầu mối công bố hàng giờ, hàng ngày chỉ số biến động tỷ giá của một số loại ngoại tệ chủ chốt so với VND và chỉ số tỷ giá chung cũng theo ngày của một rổ ngoại tệ phổ biến so với VND; (iii) Đối với khu vực Chính phủ và nền kinh tế, ngoài việc phải tuân thủ luật pháp về quản lý ngoại hối, cần giảm mạnh chi tiêu công bằng ngoại tệ, mọi phát sinh thu và chi ngoại hối dự trữ nhà nước phải qua duy nhất một đầu mối và mở tài khoản thanh toán qua NHNN (ngân sách nhà nước cũng không được phép chi trả ngoại tệ trực tiếp cho bên thụ hưởng). NHNN và Kiểm toán Nhà nước phải là các cơ



quan đầu tiên biết rõ nhất, trả lời cập nhật và đúng nhất câu hỏi dự trữ ngoại hối nhà nước đã hình thành từ những nguồn nào, khoản nào, cơ cấu dự trữ thế nào, hiện hành có bao nhiêu từng loại và cơ chế sử dụng, thanh toán đang tuân thủ ra sao; (iv) Đối với các đơn vị hoạt động nhập khẩu phải định kỳ báo cáo phương án cân đối ngoại tệ với ngân hàng liên quan và cơ quan nhà nước có thẩm quyền để khẳng định tính khả thi về nguồn cân đối ngoại tệ trong thanh toán. Theo đó, các bên nhập khẩu và các bên xuất khẩu phải luôn luôn chỉ rõ “ngân hàng của mình” trong việc tiêu thụ và sử dụng ngoại tệ, dự toán cân đối được cũng như quyết toán trong thanh toán quốc tế.

Tóm lại, một số đề xuất vừa nêu có thể cần tiếp tục rộng đường tranh luận, tuy nhiên tôi vẫn luôn luôn ủng hộ mọi ý kiến hướng về sự bảo vệ và vinh danh sức mua đối nội và sức mua đối ngoại hợp lý của đồng Việt Nam cho tới khi nó trở thành đồng tiền có khả năng chuyển đổi. Góc gác của việc tỷ giá chính thức luôn luôn phải đuổi theo tỷ giá

ngoài thị trường không chính thức trước hết vì nền kinh tế nhập siêu, sau là vì nền kinh tế luôn có tình trạng đô la hóa, cũng như còn có quá nhiều đầu mối quản lý làm cho cầu ngoại tệ vốn đã lớn hơn cung lại bị khuếch đại bởi các lợi ích cục bộ và/hoặc bởi sự quản lý không khoa học... Rất cần có “bàn tay sắt hữu hình” minh bạch, công khai bên cạnh các qui luật của thị trường để quản lý, kiểm soát và điều hành thị trường ngoại hối Việt Nam thì mục tiêu ổn định thị trường ngoại tệ mang tính bền vững sẽ ngày thêm đáng tin cậy hơn và phản ánh đúng tiềm lực thực tế hơn ■

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2011), Nghị quyết số 11/NQ-CP, ngày 24/2/2011, Về kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội.
2. Ngân hàng Nhà nước (2010), Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010.
3. Lê Châu (2011); Bình ổn thị trường, bình ổn lòng người; Thời báo kinh tế Việt Nam số 64, ngày 16/3/2011.
4. Nguyễn Hoài (2011), Gỡ ách tắc cho vàng vật chất; Thời báo kinh tế Việt Nam số 64, ngày 16/3/2011.